

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 615 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/ UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi, chức năng quản



lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 245/TTr-SGTVT ngày 13 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/ UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính thứ tự số 1, số 2 tại Khoản III, Mục A, Phần I Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc ngành Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính thứ tự số 3 tại Mục A; thứ tự số 1 tại Khoản II, Mục B; thứ tự số 1, số 2, số 3, số 4 Mục C Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và thay thế thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh;
- LĐVP, CVNC, TT.PVHCC;
- Lưu: VT, hvathien.

**KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI/ UBND CẤP HUYỆN
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
1	1.004248	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
2	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy	Trung tâm Phục vụ hành chính công	100.000 đồng/lần	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			nước ngoài. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài			
3	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa có văn bản gia hạn hoạt động của cảng, bến thủy nội địa.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN						
1	1. 009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			UBND cấp huyện, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực có văn bản trả lời; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực UBND cấp huyện có văn bản thỏa thuận gửi chủ đầu tư.			
2	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
3	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	100.000 đồng/lần	của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt
5	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	100.000 đồng/lần	